CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương

Ngày 28/06/2024	15,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.3%	**-6.8%**	**-**

DT thuần
Q2/24
65.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 50.7| 352%
YoY: ▲ 2.60| 4.2%

LN thuần
Q2/24
5.79
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.82| 662%
YoY: ▲ 1.28| 28.3%

LN sau thuế
Q2/24
4.83
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.86| 569%
YoY: ▲ 1.18| 32.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
8.9%
YoY: +/-▲ 16.0%

ROE (TTM)
Q2/24
8.4%
YoY: +/-▲ 1.4%

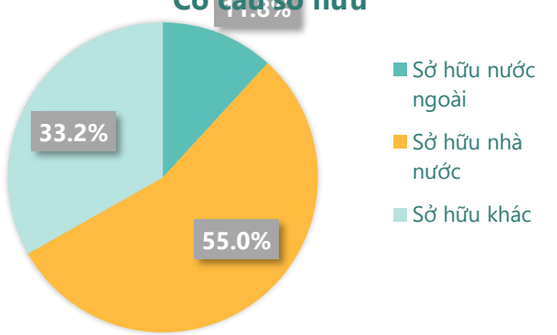
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	14,400 - 18,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	60
Số lượng CPLH (CP)	4,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	245
Sở hữu nước ngoài	11.8%
Beta	0.03
EPS	1,594
P/E	9.4

DT thuần
6T 2024
79.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.40| 3.1%

LN thuần
6T 2024
4.76
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.55| 13.1%

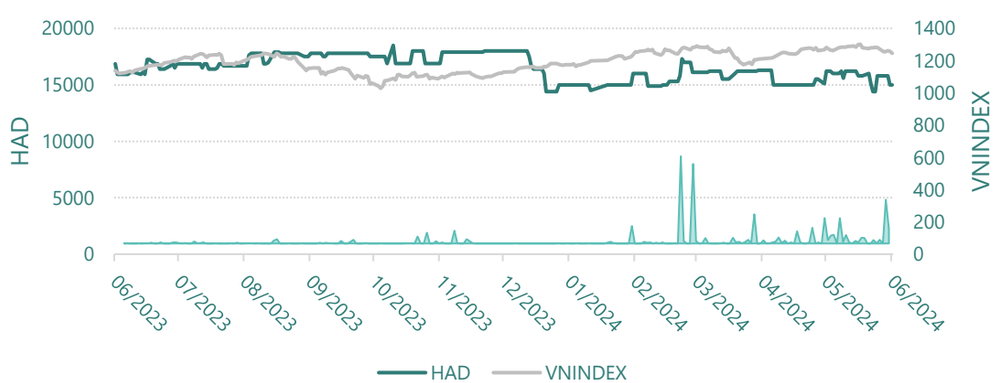
LN sau thuế
6T 2024
3.81
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.38| 10.8%

Cơ cấu sở hữu

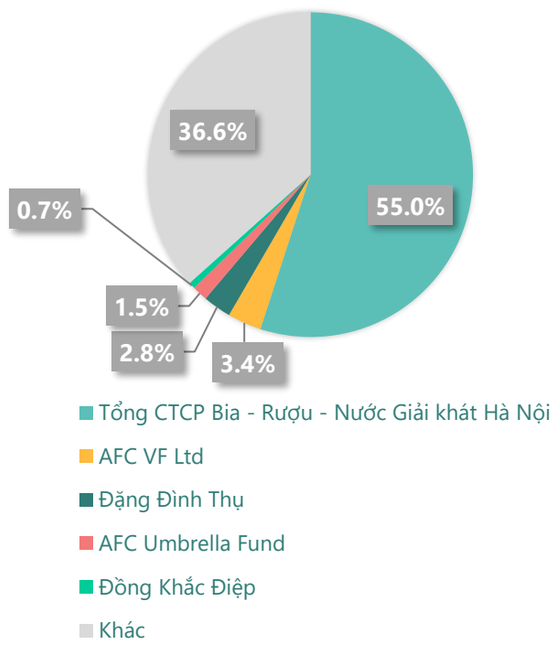


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



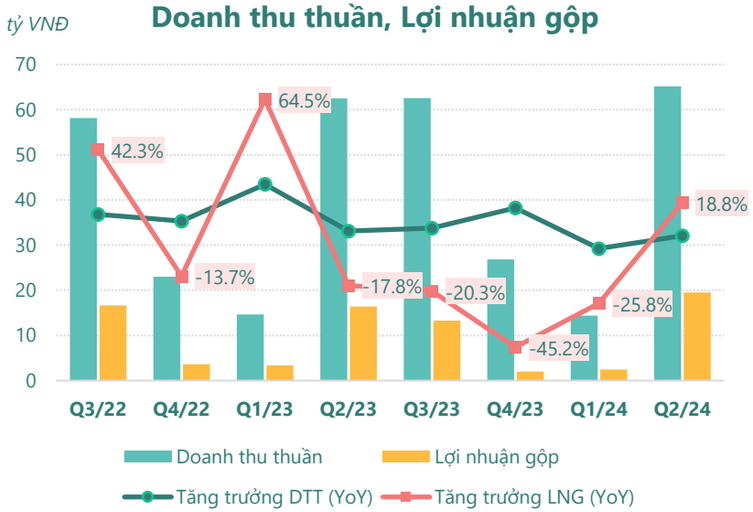
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

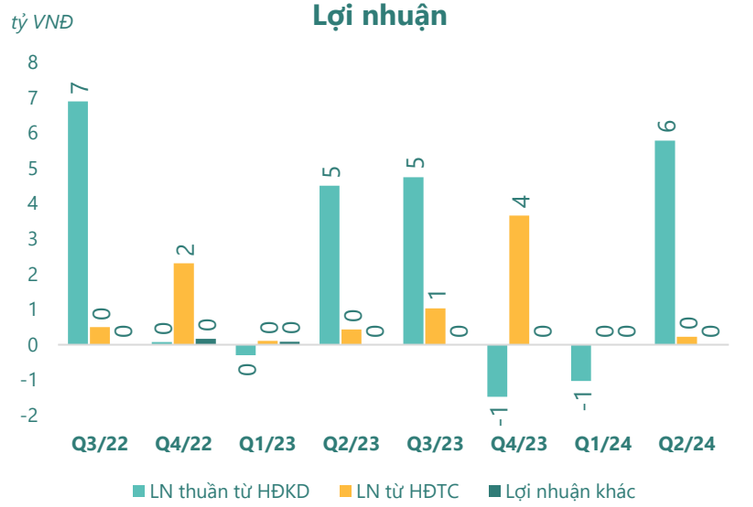
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



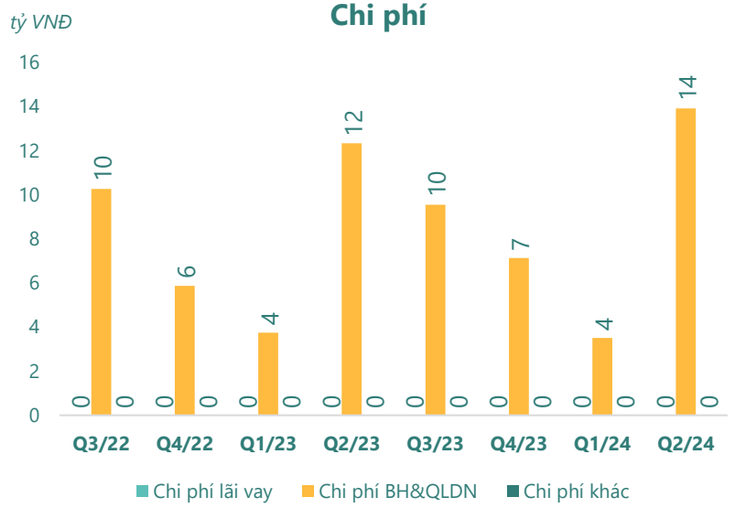
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



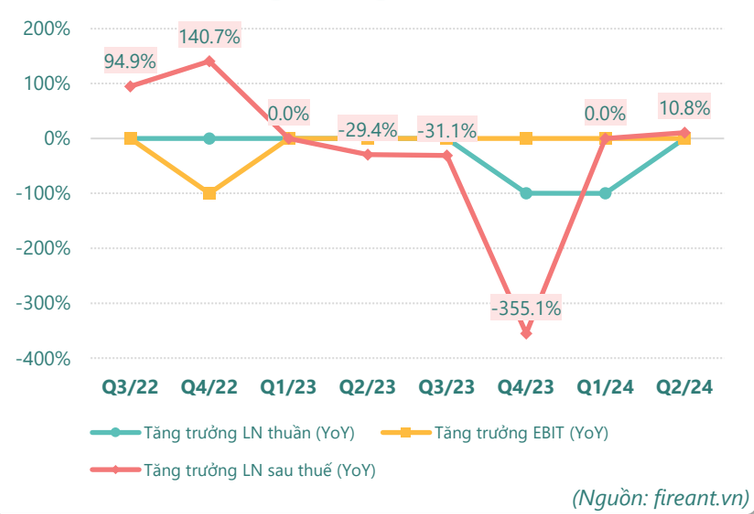
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



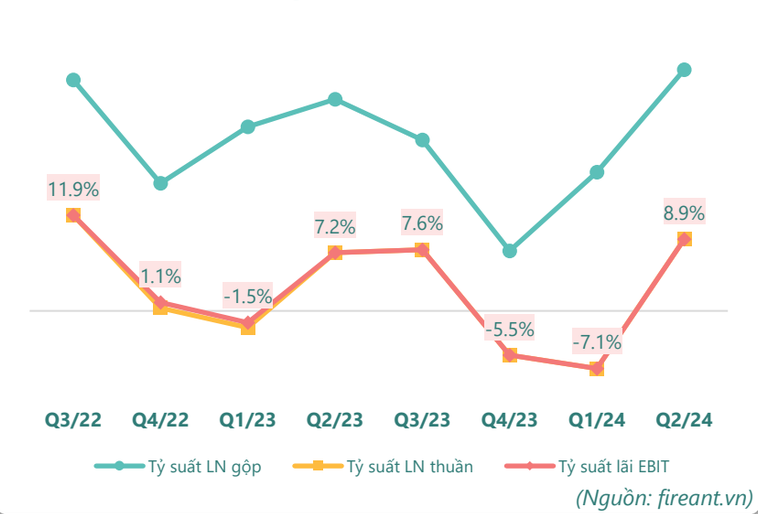
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



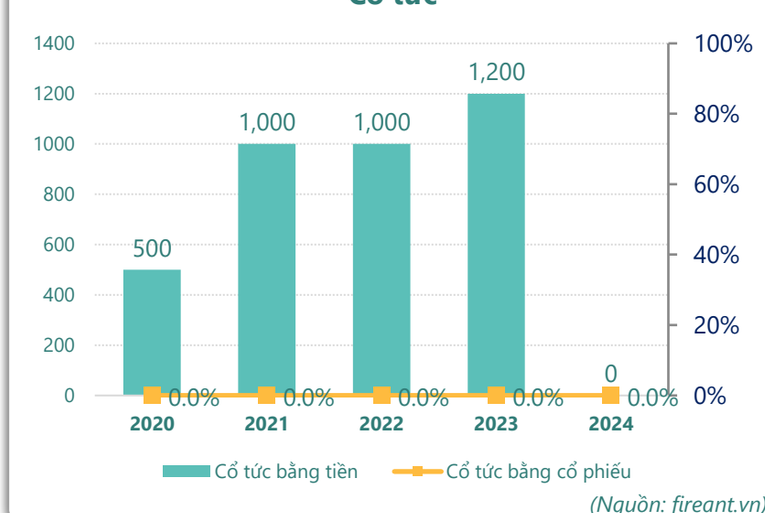
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

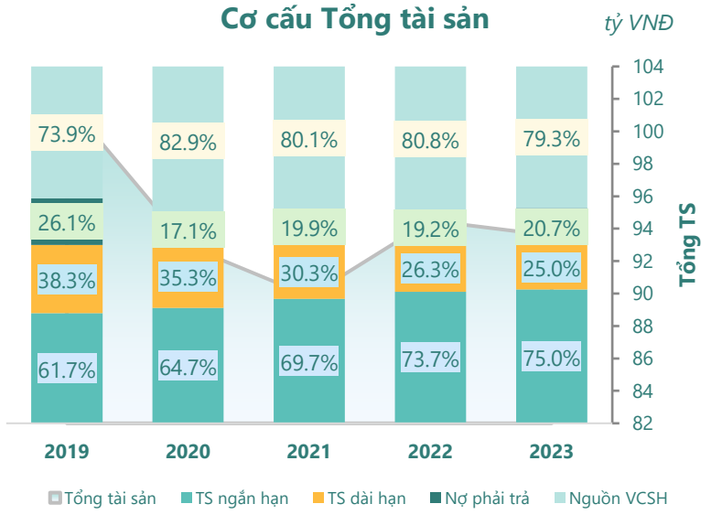
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

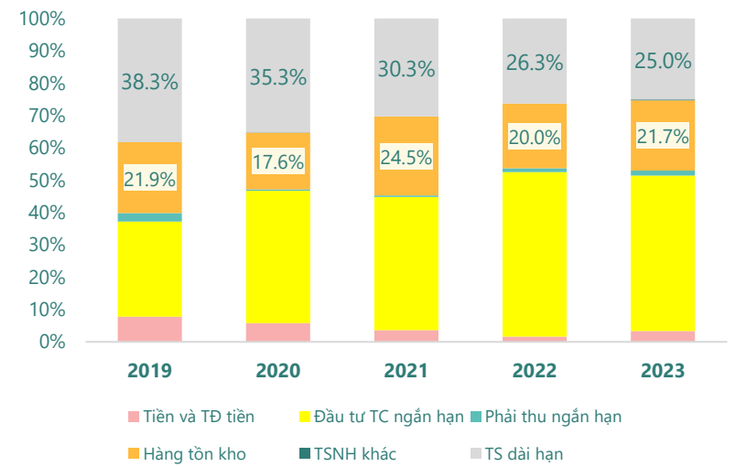
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



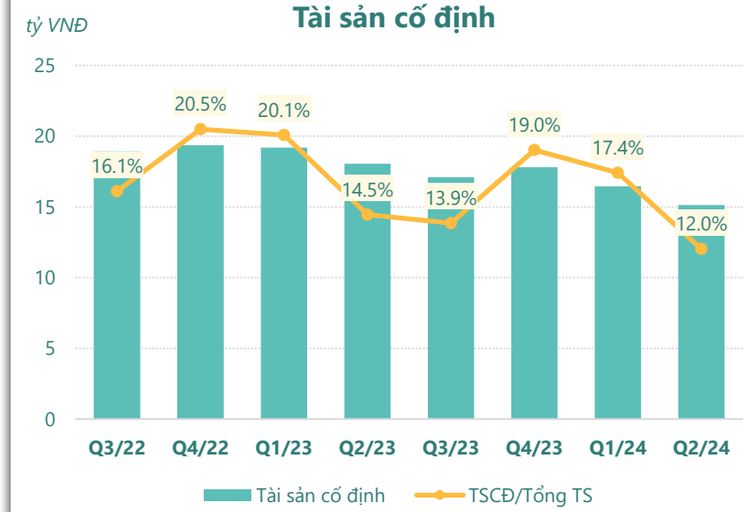
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



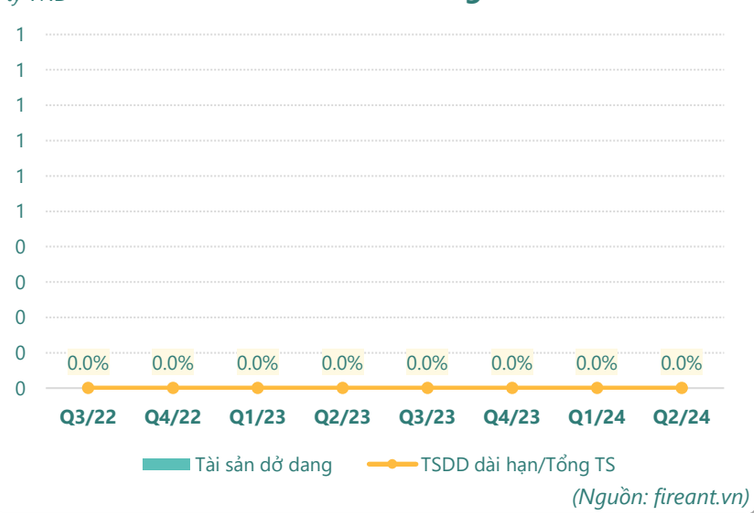
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



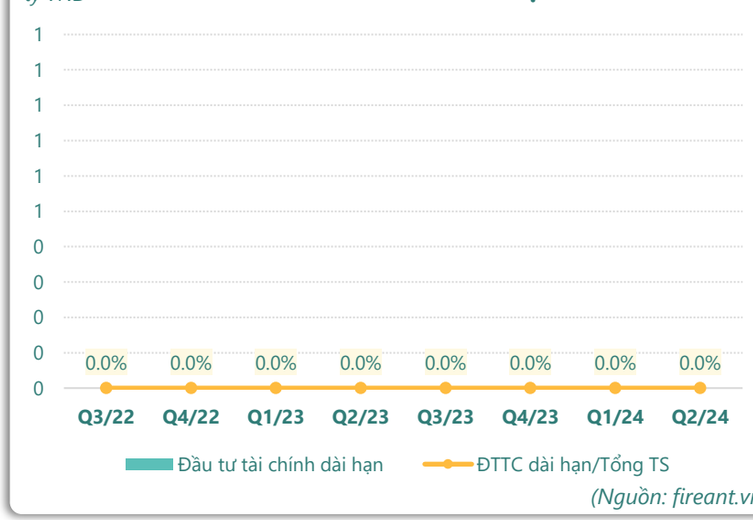
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



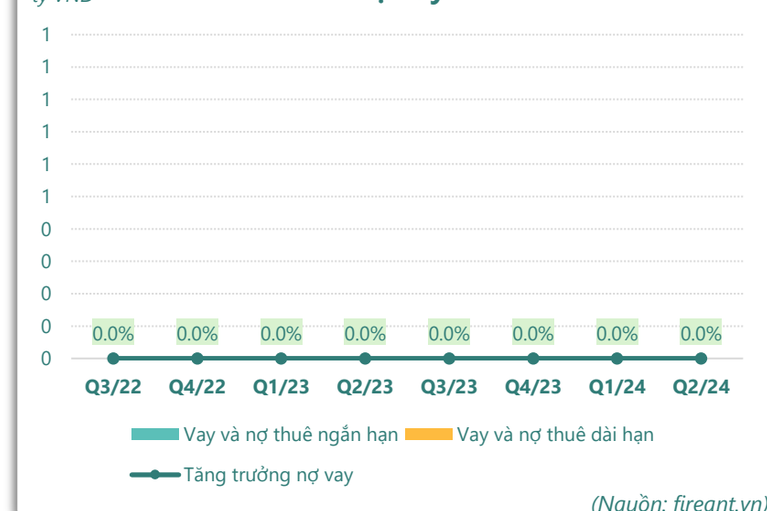
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

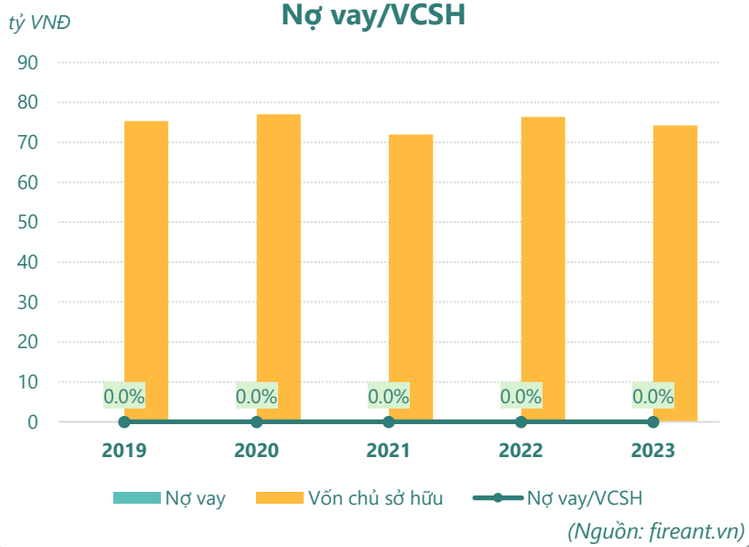
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

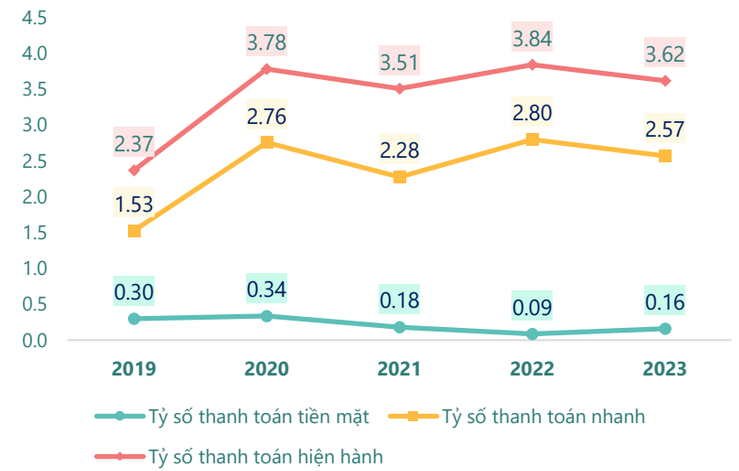
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



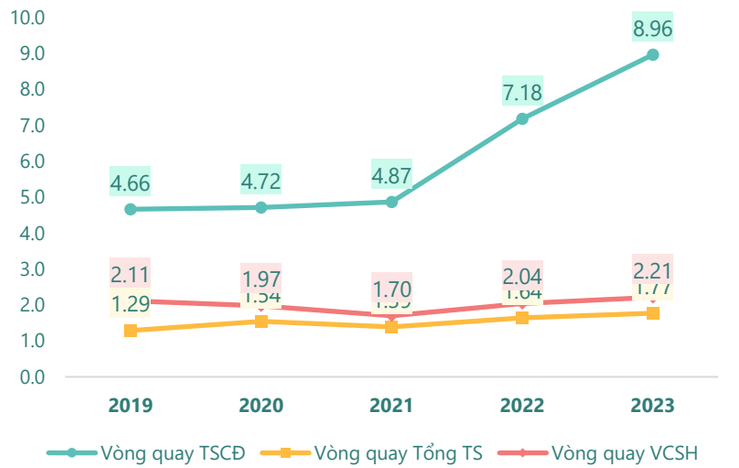
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



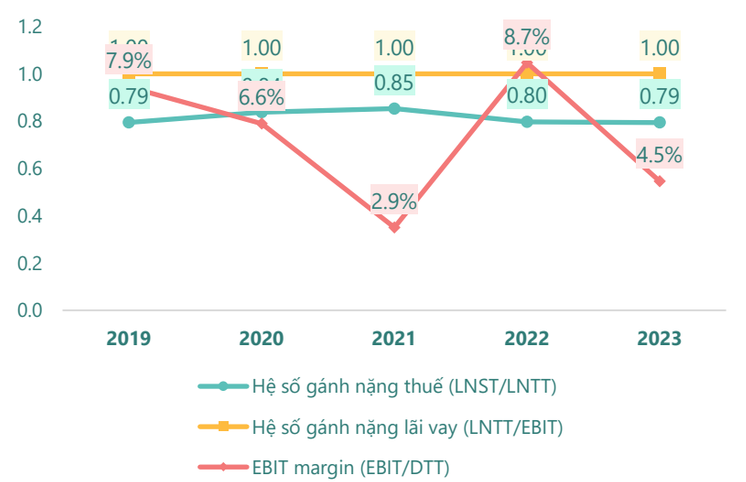
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



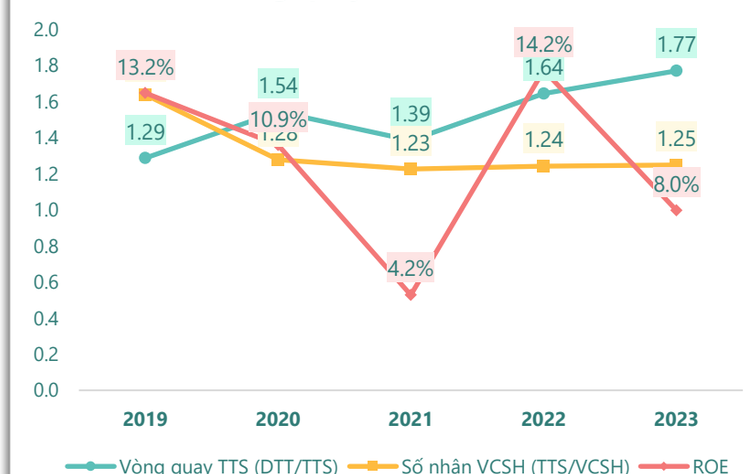
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



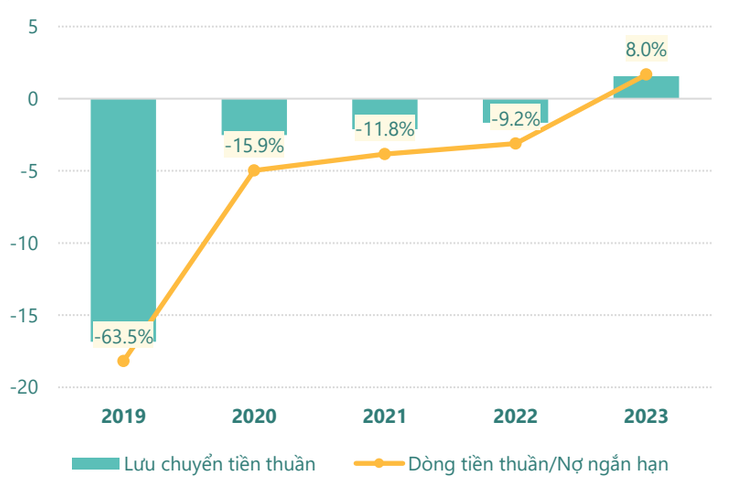
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**65.1**	**62.5**	**4.2%**	**79.5**	**77.1**	**3.1%**
Giá vốn hàng bán	45.7	46.1	-1.0%	57.6	57.4	0.3%
Lợi nhuận gộp	19.5	16.4	18.8%	22.0	19.7	11.2%
Doanh thu HĐTC	0.22	0.43	-48.2%	0.23	0.54	-58.3%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.11	7.98	14.1%	11.0	10.3	6.9%
Chi phí QLDN	**4.81**	**4.35**	**10.7%**	**6.45**	**5.81**	**11.0%**
LN thuần từ HĐKD	5.79	4.51	28.3%	4.76	4.21	13.1%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0.09**	**-100%**
LN trước thuế	5.79	4.51	28.3%	4.76	4.29	10.8%
Lợi nhuận sau thuế	**4.83**	**3.65**	**32.4%**	**3.81**	**3.43**	**10.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.83**	**3.65**	**32.4%**	**3.81**	**3.43**	**10.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.07	25.1	11.3	-27.1	-0.76	26.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.94	-23.9	-7.27	26.4	8.00	-29.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-4.93	0.13	0	0
Tiền đầu kỳ	1.58	3.44	4.64	3.69	3.13	10.4
Lưu chuyển tiền thuần	**1.87**	**1.19**	**-0.95**	**-0.56**	**7.24**	**-2.60**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.44	4.64	3.69	3.13	10.4	7.77

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**126**	**93.6**	**34.6%**
Tài sản ngắn hạn	107	70.1	52.6%
Tiền và tương đương tiền	7.77	3.13	148%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	67.0	45.0	48.9%
Phải thu ngắn hạn	0.99	1.45	-32.1%
Hàng tồn kho	31.3	20.3	53.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.22	-100%
Tài sản dài hạn	**18.9**	**23.4**	**-19.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	15.1	17.8	-14.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**3.75**	**5.64**	**-33.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	49.7	19.4	157%
Nợ ngắn hạn	**49.7**	**19.4**	**157%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.27	2.01	262%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**76.2**	**74.2**	**2.7%**
Vốn chủ sở hữu	**76.2**	**74.2**	**2.7%**
Vốn điều lệ	40.0	40.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)